

**TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017
và kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4600409377 thay đổi lần 6 ngày 14/06/2017, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 VND được chia thành 25.000.000 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 21.295.514 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	84,91%
2	Ông Trần Hải Bình	150.000.000	0,06%
3	Ông Vũ Minh Tân	25.000.000	0,01%
4	Ông Nguyễn Văn Bình	150.000.000	0,06%
5	Ông Lê Xuân Ngợi	175.000.000	0,07%
6	Ông Nguyễn Xuân Thủy	175.000.000	0,07%
7	Các cổ đông khác	37.044.860.000	14,82%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Ông Ngô Ngọc Sơn
- Ông Nguyễn Mạnh Danh
- Ông Trần Việt Cường
- Ông Hà Văn Chuyển
- Ông Đỗ Ngọc Huy
- Ông Đồng Quang Lược

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- (i) Ủy viên (Đến ngày 06/06/2017)
- (i) Ủy viên (Kể từ ngày 06/06/2017)
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- (i) Theo Nghị quyết ghi tại Biên bản số 10/BB-HĐQT ngày 06/06/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều – VVMI.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Mạnh Danh	(ii) Giám đốc (Đến ngày 06/06/2017)
- Ông Trần Việt Cường	(iii) Quyền Giám đốc (Kể từ ngày 06/06/2017)
- Ông Văn Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Phó Giám đốc

- (ii) Theo Nghị quyết ghi tại Biên bản số 10/BB-HĐQT ngày 06/06/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều – VVMI.

- (iii) Theo Nghị quyết ghi tại Biên bản số 11/BB-HĐQT ngày 06/06/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều – VVMI.

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban
- Bà Lê Thị Hồng Cẩm (i)	Ủy viên (Đến ngày 05/04/2017)
- Bà Phạm Thị Thúy Nga (i)	Ủy viên (Kể từ ngày 05/04/2017)
- Ông Lê Minh Hiền	Ủy viên

- (i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều – VVMI.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2017

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Trần Việt Cường

Số: 01/2017/BCSX/PKF.NHN

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI được lập ngày 05 tháng 08 năm 2017 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 8 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMI tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Đỗ Thị Ánh Tuyết

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0079-2015-242-1

34406
ÔNG
NHÌM
PKF
VIỆT N
XUÂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.879.932.648	101.089.224.510
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	6.688.859.653	6.972.729.140
Tiền	111		6.688.859.653	6.972.729.140
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.531.478.635	38.126.126.350
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	56.647.894.295	46.773.911.652
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		157.445.100	160.445.100
Các khoản phải thu khác	136	5.3	1.256.136.566	496.133.813
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(8.529.997.326)	(9.304.364.215)
Hàng tồn kho	140	5.5	44.485.236.548	50.905.972.231
Hàng tồn kho	141		45.507.233.566	52.527.003.804
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.021.997.018)	(1.621.031.573)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.174.357.812	5.084.396.789
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	7.174.357.812	5.084.396.789
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		982.159.827.679	1.022.262.513.014
Tài sản cố định	220		964.633.169.156	1.005.336.711.084
TSCĐ hữu hình	221	5.7	944.068.679.867	984.241.014.067
- Nguyên giá	222		1.405.606.884.599	1.405.768.723.461
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(461.538.204.732)	(421.527.709.394)
TSCĐ vô hình	227	5.8	20.564.489.289	21.095.697.017
- Nguyên giá	228		27.115.865.482	27.115.865.482
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(6.551.376.193)	(6.020.168.465)
Tài sản dài hạn khác	260		17.526.658.523	16.925.801.930
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	17.526.658.523	16.925.801.930
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.090.039.760.327	1.123.351.737.524

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÔ VIỆT BẮC TKV- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		978.446.516.448	983.623.093.608
Nợ ngắn hạn	310		413.908.409.820	373.957.876.320
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	165.707.572.087	121.202.156.970
Người mua trả tiền trước	312	5.10	3.599.918.306	361.359.100
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	28.055.167.218	31.067.595.664
Phải trả người lao động	314		973.383.182	5.823.089.643
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.507.069.863	2.252.868.243
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.145.553.841	1.892.019.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	211.919.745.323	211.358.787.700
Nợ dài hạn	330		564.538.106.628	609.665.217.288
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	564.538.106.628	609.665.217.288
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.593.243.879	139.728.643.916
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	111.593.243.879	139.728.643.916
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138.406.756.121)	(110.271.356.084)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(110.271.356.084)	(123.369.765.380)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28.135.400.037)	13.098.409.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.090.039.760.327	1.123.351.737.524

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Minh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thắng

GIÁM ĐỐC



Trần Việt Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	200.706.478.420	298.728.336.710
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10	6.1	200.706.478.420	298.728.336.710
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	183.641.780.222	239.619.314.116
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.064.698.198	59.109.022.594
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	607.812.530	1.067.869.314
Chi phí tài chính	22	6.4	34.455.167.789	31.695.992.482
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.904.756.393	30.785.311.684
Chi phí bán hàng	24	6.5	3.726.255.502	3.961.305.540
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	7.658.421.044	10.659.311.236
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.167.333.607)	13.860.282.650
Thu nhập khác	31	6.6	51.115.390	38.823.922
Chi phí khác	32	6.7	19.181.820	48.908.509
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		31.933.570	(10.084.587)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(28.135.400.037)	13.850.198.063
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(28.135.400.037)	13.850.198.063
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.125)	554

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Minh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thắng

GIÁM ĐỐC



Trần Việt Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(28.135.400.037)	13.850.198.063
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	40.630.042.288	40.843.062.072
Các khoản dự phòng	03	(1.373.401.444)	2.057.158.321
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.040.182.235)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.885.924)	(27.687.079)
Chi phí lãi vay	06	33.904.756.393	30.785.311.684
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.023.111.276	86.467.860.826
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(10.630.985.396)	(9.046.287.866)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	7.019.770.238	3.766.034.660
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	38.307.504.180	(49.386.171.264)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.690.817.616)	1.062.786.842
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.749.185.056)	(39.978.809.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.279.397.626	(7.114.586.136)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.885.924	27.687.079
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.885.924	27.687.079
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	134.703.884.198	387.845.357.348
Tiền trả nợ gốc vay	34	(179.270.037.235)	(372.997.386.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.566.153.037)	14.847.970.902
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.972.729.140	9.143.947.410
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.688.859.653	16.905.019.255

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Minh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thắng

GIÁM ĐỐC



Trần Việt Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều - VVMi là một Doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (xi măng, gạch xây, ngói, đá, sỏi và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng và máy khác chưa phân vào đâu);
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sửa chữa thiết bị khác;

1.3440
CÔNG
H NHIỆM
PK
/IẾT M
XUÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình đường bộ);
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 382 người, trong đó số cán bộ quản lý là 36 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu Phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (bán thành phẩm: xi măng bột, clinker) nhân với (x) đơn giá thực tế trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 20 năm
- Phương tiện vận tải 07 - 10 năm
- Thiết bị quản lý 05 - 07 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất 25 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm : chi phí lãi vay, trả chậm lãi,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và

Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4600409377 điều chỉnh lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	212.280.140.000	212.280.140.000	100%
Ông Trần Hải Bình	150.000.000	150.000.000	100%
Ông Vũ Minh Tân	25.000.000	25.000.000	100%
Ông Nguyễn Văn Bình	150.000.000	150.000.000	100%
Ông Lê Xuân Ngợi	175.000.000	175.000.000	100%
Ông Nguyễn Xuân Thủy	175.000.000	175.000.000	100%
Các cổ đông khác	37.044.860.000	37.044.860.000	100%

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay)

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế tài nguyên:

Chi phí thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng nước khai thác, giá tính thuế do UBND tỉnh Thái Nguyên quy định và thuế suất thuế tài nguyên nước.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Quyết định số 234/2003/QQĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Tiền mặt (i)	3.323.205.865	3.324.787.171
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	3.365.653.788	3.647.941.969
Cộng	6.688.859.653	6.972.729.140

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2017 bao gồm

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	3.323.205.865
Cộng	-	3.323.205.865

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2017 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam	-	3.365.653.788
Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	17.764.459
Tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	735.779.026
Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	1.340.080.489
Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	1.228.343.590
Tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Thái Nguyên	-	7.561.850
Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	36.124.374
Cộng	-	3.365.653.788

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.2. Phải thu khách hàng

	<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	56.647.894.295	46.773.911.652
Công ty CP vận tải và thương mại Quyền Thiên Phú	7.456.760.451	10.036.192.858
UBND Xã Phú Cường	26.548.989.458	8.865.974.498
UBND Xã Phục Linh	1.684.021.950	7.485.981.900
Công ty CP đầu tư và thương mại DIC	133.303.750	819.281.100
UBND Xã Phú Đô	-	769.860.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.824.818.686	18.796.621.296
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>56.647.894.295</u>	<u>46.773.911.652</u>

5.3. Phải thu khác

	<u>30/06/2017</u> (VND)		<u>01/01/2017</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.256.136.566	-	496.133.813	-
- Tạm ứng	924.687.618	-	106.100.000	-
Phải thu tiền huy hiệu "Thợ mỏ vẽ vàng"	-	-	222.336.000	-
Phải thu tiền Bảo hiểm	211.532.948	-	167.697.813	-
Phải thu khác	119.916.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>1.256.136.566</u>	-	<u>496.133.813</u>	-

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÔ VIỆT BẮC TKV- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.4. Nợ xấu

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Cửa hàng VLXD Giang Trọng	127.860.000	100.860.000	2.584.496.564	1.809.147.595
Cửa hàng VLXD Thế Phương	-	-	756.832.500	529.782.750
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Bắc Hà	127.860.000	100.860.000	33.945.000	23.761.500
Các đối tượng khác	-	-	1.793.719.064	1.255.603.345
Từ 1 đến 2 năm				
Cửa hàng VLXD Giang Trọng	3.442.679.911	2.081.666.415	2.557.323.111	1.278.661.555
Cửa hàng VLXD Thế Phương	1.000.076.211	651.404.605	243.243.711	121.621.855
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Đại Cát	326.978.000	163.489.000	420.055.000	210.027.500
Các đối tượng khác	157.205.000	66.152.500	1.894.024.400	947.012.200
Từ 2 năm đến 3 năm				
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng 19-8	1.958.420.700	1.200.620.310	1.499.483.549	449.845.065
Công ty CP ĐTXD và TM Nguyễn Hồng	246.969.400	91.520.820	189.375.000	56.812.500
Cửa hàng VLXD Trịnh Quốc Huy	-	-	162.050.000	48.615.000
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Đại Cát	-	-	14.384.600	4.315.380
Các đối tượng khác	24.900.000	24.900.000	-	-
Trên 3 năm				
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng 19-8	222.069.400	66.620.820	1.133.673.949	340.102.185
Công ty CP ĐTXD và TM Nguyễn Hồng	7.332.754.555	346.219.305	6.200.715.206	-
Cửa hàng VLXD Trịnh Quốc Huy	439.056.000	56.812.500	249.681.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Ngọc Mai	895.735.000	48.615.000	733.685.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Kiến Trúc Việt	78.448.000	4.315.380	64.063.400	-
Các đối tượng khác	1.452.868.400	-	1.452.868.400	-
Cộng	11.150.263.866	2.620.266.540	12.842.018.430	3.537.654.215

TÓNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVM

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.5. Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	16.376.903.360	1.021.997.018	13.594.397.483	1.621.031.573
- Công cụ, dụng cụ;	148.372.986	-	59.939.494	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	28.981.957.220	-	36.471.255.174	-
- Hàng gửi bán.	-	-	2.401.411.653	-
Cộng	45.507.233.566	1.021.997.018	52.527.003.804	1.621.031.573

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 6.030.931.884 đồng. Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư phục vụ sửa chữa, thi công các hạng mục của dây truyền tồn đọng; Hướng xử lý: tiếp tục tận dụng (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay tại thời điểm cuối kỳ chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 5.14.

5.6. Chi phí trả trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	7.174.357.812	5.084.396.789
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.488.537.983	2.546.145.104
Công cụ, dụng cụ	3.530.120.456	2.428.046.310
Bảo hiểm	7.668.211	20.286.083
Các khoản khác.	1.148.031.162	89.919.292
b) Dài hạn	17.526.658.523	16.925.801.930
Chi phí sửa chữa thường xuyên	8.778.844.212	6.165.079.197
Công cụ, dụng cụ	8.178.515.661	9.949.903.709
Các khoản khác.	569.298.650	810.819.024
Cộng	24.701.016.335	22.010.198.719

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP
 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẬN TRIỀU - VVMI
 Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.7. Tãng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	399.262.833.148	1.003.143.065.615	2.158.678.113	1.204.146.585	1.405.768.723.461
- Chuyển thành công cụ, dụng cụ	-	(161.838.862)	-	-	(161.838.862)
Số dư cuối kỳ	399.262.833.148	1.002.981.226.753	2.158.678.113	1.204.146.585	1.405.606.884.599
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	109.757.900.144	309.563.326.791	1.287.706.113	918.776.346	421.527.709.394
- Khấu hao trong kỳ	10.551.297.794	29.339.870.320	113.026.066	94.640.380	40.098.834.560
- Chuyển thành công cụ, dụng cụ	-	(88.339.222)	-	-	(88.339.222)
Số dư cuối kỳ	120.309.197.938	338.814.857.889	1.400.732.179	1.013.416.726	461.538.204.732
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu kỳ	289.504.933.004	693.579.738.824	870.972.000	285.370.239	984.241.014.067
- Tại ngày cuối kỳ	278.953.635.210	664.166.368.864	757.945.934	190.729.859	944.068.679.867

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 943.888.826.773 đồng.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỆU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	27.115.865.482	27.115.865.482
Số dư cuối kỳ	27.115.865.482	27.115.865.482
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu kỳ	6.020.168.465	6.020.168.465
- Khấu hao trong kỳ	531.207.728	531.207.728
Số dư cuối kỳ	6.551.376.193	6.551.376.193
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu kỳ	21.095.697.017	21.095.697.017
- Tại ngày cuối kỳ	20.564.489.289	20.564.489.289

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 20.564.489.289 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.9. Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	41.506.106.896	41.506.106.896	17.027.147.830	17.027.147.830
Cty than Núi Hồng VVMI - CN Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	77.684.255.205	77.684.255.205	61.430.607.505	61.430.607.505
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	29.703.760.780	29.703.760.780	23.856.871.413	23.856.871.413
Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	2.584.395.800	2.584.395.800	-	-
Công ty điện lực Thái Nguyên	1.466.409.563	1.466.409.563	2.000.113.708	2.000.113.708
Công ty TNHH Tô Tây	381.264.089	381.264.089	3.390.363.900	3.390.363.900
Các nhà cung cấp khác	12.381.379.754	12.381.379.754	13.497.052.614	13.497.052.614
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	165.707.572.087	165.707.572.087	121.202.156.970	121.202.156.970
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	18.518.437.376	18.518.437.376	6.039.478.310	6.039.478.310
Cty than Núi Hồng VVMI - CN Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	44.695.870.005	44.695.870.005	33.699.468.505	33.699.468.505
Công ty TNHH MTV Than Khánh Hòa - VVMI	4.323.359.367	4.323.359.367	21.077.804.573	21.077.804.573
Cộng	67.537.666.748	67.537.666.748	60.816.751.388	60.816.751.388
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	41.506.106.896	41.506.106.896	17.027.147.830	17.027.147.830
Cty than Núi Hồng VVMI - CN Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	77.684.255.205	77.684.255.205	61.430.607.505	61.430.607.505
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	29.703.760.780	29.703.760.780	23.856.871.413	23.856.871.413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI	789.993.890	789.993.890	-	-
Trung tâm điều dưỡng ngành than- VVMI	708.598.400	708.598.400	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	611.427.000	611.427.000	135.300.000	135.300.000
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	510.862.053	510.862.053	6.354.753	6.354.753
CTy VTHC mỏ Hà Nội - CN Tổng Cty CNHC mỏ - Vinacomin	204.247.945	204.247.945	-	-
Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	111.074.000	111.074.000	83.851.500	83.851.500
Công ty nhiệt điện cao ngạn TKV - CN Tổng C.ty điện lực TKV - CTCP	30.975.419	30.975.419	18.143.162	18.143.162
Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	20.828.000	20.828.000	-	-
Cộng	151.882.129.588	151.882.129.588	102.558.276.163	102.558.276.163

5.10. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	-	303.039.200
Công ty TNHH TM và xây dựng Cường Sáu	205.700.000	38.779.900
Công ty TNHH kinh doanh và sản xuất Bình Nguyên	997.572.432	-
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	2.088.629.547	-
Các khách hàng khác	308.016.327	19.540.000
Cộng	3.599.918.306	361.359.100

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	31.041.295.099	6.580.867.541	9.600.000.000	28.022.162.640
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.436.134	7.243.740	192.394
Thuế Tài nguyên	26.300.565	5.637.375	-	31.937.940
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	6.596.409	5.722.165	874.244
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	31.067.595.664	6.603.537.459	9.615.965.905	28.055.167.218
b) Phải thu	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.12. Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	1.507.069.863	2.252.868.243
- Lãi vay	1.389.583.724	471.221.554
- Chi phí tiền lương	66.708.562	90.574.197
- Chi phí trích trước lãi chậm trả	-	604.926.606
- Các khoản trích trước khác;	50.777.577	1.086.145.886
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.507.069.863	2.252.868.243

5.13. Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Kinh Phí Công Đoàn	195.677.978	141.040.655
Chi phí vận chuyển đường sắt phải trả TCT	880.434.783	880.434.783
Lãi vay phải trả Tổng Công ty	451.977.776	214.768.609
Đoàn phí công đoàn	45.000.000	45.000.000
Khác	572.463.304	610.774.953
Cộng	2.145.553.841	1.892.019.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	121.665.524.003	121.665.524.003	134.703.884.198	147.974.481.905	134.936.121.710	134.936.121.710
- Ngân hàng TMCP công thương Thái Nguyên (i)	24.368.961.303	24.368.961.303	25.252.096.588	55.513.874.440	54.630.739.155	54.630.739.155
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Thái Nguyên (ii)	20.261.888.761	20.261.888.761	29.799.068.191	40.209.842.741	30.672.663.311	30.672.663.311
- Ngân hàng TMCP Quân đội Thái Nguyên (iii)	39.149.673.939	39.149.673.939	41.607.719.419	52.090.764.724	49.632.719.244	49.632.719.244
- Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (iv)	37.285.000.000	37.285.000.000	37.285.000.000	-	-	-
- Vay ngắn hạn CBCNV	600.000.000	600.000.000	760.000.000	160.000.000	-	-
b. Gốc vay dài hạn	654.792.327.948	654.792.327.948	-	31.295.555.330	686.087.883.278	686.087.883.278
Kỳ hạn từ 1 đến 5 năm	654.792.327.948	654.792.327.948	-	31.295.555.330	686.087.883.278	686.087.883.278
- Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên (v)	429.971.000.000	429.971.000.000	-	22.928.000.000	452.899.000.000	452.899.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Thái Nguyên (vi)	56.821.327.948	56.821.327.948	-	2.367.555.330	59.188.883.278	59.188.883.278
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT chi nhánh Tây Hồ (vii)	168.000.000.000	168.000.000.000	-	6.000.000.000	174.000.000.000	174.000.000.000
Cộng	776.457.851.951	776.457.851.951	134.703.884.198	179.270.037.235	821.024.004.988	821.024.004.988

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (VND)
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	90.254.221.320	90.254.221.320	76.422.665.990	76.422.665.990
- Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	68.784.000.000	68.784.000.000	57.320.000.000	57.320.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Thái Nguyên	9.470.221.320	9.470.221.320	7.102.665.990	7.102.665.990
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Cn Tây Hồ	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	776.457.851.951	776.457.851.951	821.024.004.988	821.024.004.988
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	211.919.745.323	211.919.745.323	211.358.787.700	211.358.787.700
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	564.538.106.628	564.538.106.628	609.665.217.288	609.665.217.288

(i) Hợp đồng tín dụng số 300077623/2016-HĐTDHM/NHCT20-XMQT ngày 26/8/2016 với hạn mức tín dụng 55.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, clinker, kỳ hạn 5 tháng, lãi suất 6%/tháng. Bảo lãnh của công ty mẹ và danh sách tài sản trong hợp đồng thế chấp TS số 01/300077623 ngày 15/10/2013 và 11058001/HĐTC ngày 23/02/2011.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1698437/HĐTD ngày 6/9/2016 với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C cho Công ty CP Xi măng Quán Triều VVMI. Có hạn mức kể từ ngày kí hợp đồng đến ngày 31/8/2017. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hợp đồng được đảm bảo bằng Bảo lãnh của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt bắc TKV – CTCP.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 39921.16.090.502368.TD ngày 30/7/2016 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng và clinker. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 15/7/2017. Lãi suất áp dụng đối với khoản vay theo hình thức cho vay: Lãi

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Khách hàng với MB. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh là nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng thay thế, thành phẩm sản xuất (Xi măng thành phẩm các loại, Clinker các loại,...).

(iv) Theo thỏa thuận sử dụng vốn ngắn hạn số 01/2017 ngày 19/05/2017 với mức sử dụng vốn 19.285.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn để trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, thời gian sử dụng 3 tháng, lãi suất 6%/năm. Thỏa thuận sử dụng vốn ngắn hạn số 02/2017 ngày 29/05/2017 với mức sử dụng vốn 18.000.000.000 đồng, mục đích trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, thời gian sử dụng 05 tháng, lãi suất 6%/năm.

(v) Hợp đồng tín dụng số 029/2007/HĐTD ngày 15/12/2007 và Hợp đồng tín dụng đầu tư (Sửa đổi, bổ sung) số 69/2014/HDDTDDDT-NHPT ngày 31/12/2014. Kỳ hạn trả gốc và lãi: tháng 9 năm 2023. Lãi suất 8,4% /năm. Tài sản đảm bảo: Dự án "Đầu tư đổi mới Công nghệ nhà máy xi măng Quán Triều". Vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 30/06/2017 là 68.784.000.000 đồng.

(vi) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1698437/HĐTD ngày 29/06/2015 với mục đích tái cấu trúc dư nợ vay dài hạn đầu tư dự án nhà máy xi măng Quán Triều. Kỳ hạn trả gốc và lãi: Tháng 6 năm 2023, lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là Nhà máy xi măng Quán Triều, khoản phải thu phát sinh với bên thứ 3, số dư tài khoản ngân hàng. Vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 30/06/2017 là 9.470.221.320 đồng.

(vii) Hợp đồng tín dụng 01/2016/1698437/HĐTD ngày 13/05/2016 với mục đích tái cấu trúc dư nợ vay của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - VVMI. Kỳ hạn trả gốc và lãi: Tối đa 8 năm kể từ ngày 13/5/2016. Lãi suất: Thả nổi bằng lãi suất huy động dân cư VNĐ kỳ hạn 12 tháng +2,8%/năm. Tài sản đảm bảo: Dự án "Đầu tư đổi mới Công nghệ nhà máy xi măng Quán Triều" và bảo lãnh vốn từ Công ty mẹ. Vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 30/06/2017 là 12.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMi**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.15. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	(123.369.765.380)	126.630.234.620
- Lãi trong năm trước	-	13.098.409.296	13.098.409.296
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	250.000.000.000	(110.271.356.084)	139.728.643.916
- Lỗ trong kỳ	-	(28.135.400.037)	(28.135.400.037)
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	(138.406.756.121)	111.593.243.879

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
- Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	37.719.860.000	37.719.860.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	2016 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	250.000.000.000	250.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	250.000.000.000	250.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	2016 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu



TÓNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMİ

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.706.478.420	298.728.336.710
- Doanh thu bán hàng	198.533.813.338	296.034.426.032
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.172.665.082	2.693.910.678
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.706.478.420	298.728.336.710

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	182.068.149.695	236.047.135.784
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.172.665.082	2.719.416.544
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(599.034.555)	852.761.788
Cộng	183.641.780.222	239.619.314.116

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.885.924	22.451.870
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.045.417.444
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	604.926.606	-
Cộng	607.812.530	1.067.869.314

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Lãi tiền vay	33.904.756.393	30.785.311.684
- Chiết khấu thanh toán, lãi hàng trả chậm	550.411.396	910.680.798
Cộng	34.455.167.789	31.695.992.482

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMi

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.432.787.933	10.659.311.236
+ Chi phí tiền lương	3.605.799.779	4.542.360.942
+ Chi phí khác bằng tiền	3.282.101.562	4.537.203.159
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.544.886.592	1.579.747.135
Chi phí bán hàng	3.726.255.502	3.961.305.540
+ Tiền lương	1.083.136.079	1.797.839.345
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.724.228.193	941.567.091
Các khoản ghi giảm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	(774.366.889)	-
+ Hoàn nhập dự phòng phải thu	(774.366.889)	-

6.6 Thu nhập khác

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Tiền nhà tập thể	19.181.820	19.363.637
- Các khoản khác	31.933.570	19.460.285
Cộng	51.115.390	38.823.922

6.7 Chi phí khác

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Khấu hao nhà ở công nhân	19.181.820	19.363.637
- Các khoản khác	-	29.544.872
Cộng	19.181.820	48.908.509

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMi

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(28.135.400.037)	13.850.198.063
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	230.802.000	29.544.872
+ Chi phí không hợp lý	230.802.000	29.544.872
- Tổng thu nhập chịu thuế	(27.904.598.037)	13.879.742.935
- Chuyển lỗ năm trước	-	13.879.742.935
- Thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Cộng	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(28.135.400.037)	13.850.198.063
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(28.135.400.037)	13.850.198.063
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.125)	554

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.274.360.187	177.367.385.375
- Chi phí nhân công	13.496.090.848	17.568.425.296
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.630.042.288	40.843.062.072
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.822.465.610	5.744.203.528
- Chi phí khác bằng tiền	44.099.847.731	44.616.968.074
Cộng	219.322.806.664	286.140.044.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 134.703.884.198 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 179.270.037.235 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

TÓNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMİ**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.688.859.653	-	6.688.859.653
Phải thu khách hàng	56.647.894.295	-	56.647.894.295
Phải thu khác	331.448.948	-	331.448.948
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.529.997.326)	-	(8.529.997.326)
Tổng cộng	55.138.205.570	-	55.138.205.570
Ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ	211.919.745.323	564.538.106.628	776.457.851.951
Phải trả người bán	165.707.572.087	-	165.707.572.087
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	31.707.790.922	-	31.707.790.922
Tổng cộng	409.335.108.332	564.538.106.628	973.873.214.960
Chênh lệch thanh khoản thuần	(354.196.902.762)	(564.538.106.628)	(918.735.009.390)
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.972.729.140	-	6.972.729.140
Phải thu khách hàng	46.773.911.652	-	46.773.911.652
Phải thu khác	390.033.813	-	390.033.813
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.304.364.215)	-	(9.304.364.215)
Tổng cộng	44.832.310.390	-	44.832.310.390
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	211.358.787.700	609.665.217.288	821.024.004.988
Phải trả người bán	121.202.156.970	-	121.202.156.970
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	35.212.482.907	-	35.212.482.907
Tổng cộng	367.773.427.577	609.665.217.288	977.438.644.865
Chênh lệch thanh khoản thuần	(322.941.117.187)	(609.665.217.288)	(932.606.334.475)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	56.979.343.243	47.163.945.465	48.449.345.917	37.859.581.250
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	6.688.859.653	6.972.729.140	6.688.859.653	6.972.729.140
Tổng cộng	63.668.202.896	54.136.674.605	55.138.205.570	44.832.310.390
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	776.457.851.951	821.024.004.988	776.457.851.951	821.024.004.988
<i>Phải trả người bán</i>	165.707.572.087	121.202.156.970	165.707.572.087	121.202.156.970
<i>Phải trả khác</i>	31.707.790.922	35.212.482.907	31.707.790.922	35.212.482.907
Tổng cộng	973.873.214.960	977.438.644.865	973.873.214.960	977.438.644.865

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ hoạt động tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty than Núi Hồng VVMI – Chi nhánh Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Trung tâm điều dưỡng ngành than- VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty VTHC mỏ Hà Nội – Chi nhánh Tổng Cty CNHC mỏ - Vinacomin	Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty nhiệt điện cao ngạn TKV – Chi nhánh Tổng C.ty điện lực TKV - CTCP	Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Bệnh Viện Than - Khoáng Sản	Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Trường Quản trị kinh doanh - TKV	Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ hoạt động tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Bán hàng	22.431.818
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Bán hàng	69.518.184
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	Bán hàng	10.828.518.594
Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Bán hàng	4.463.787.273
Cty than Núi Hồng VVMI – Chi nhánh Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng hóa, dịch vụ	14.780.407.000
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	Mua hàng	33.430.438.560
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng	5.384.872.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng	740.608.082
Trung tâm điều dưỡng ngành than- VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua dịch vụ	668.834.909
Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng hóa, dịch vụ	705.570.000
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng	458.643.000
Công ty VTHC mỏ Hà Nội - CN Tổng Cty CNHC mỏ - Vinacomín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng	185.679.950
Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua hàng hóa, dịch vụ	450.184.180
Công ty nhiệt điện cao ngạn TKV – Chi nhánh Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	115.018.776
Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	222.328.000
Bệnh Viện Than - Khoáng Sản	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	126.062.800
Trường Quản trị kinh doanh - TKV	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	9.291.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU - VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Vào ngày kết thúc kỳ hoạt động tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Các khoản phải thu			-
Các khoản phải trả			192.664.948.706
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	Than, clinker, vận chuyển, lãi vay, nội bộ	45.003.926.014
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty Mẹ	Vay vốn	37.285.000.000
Cty than Núi Hồng VVMI - CN Tổng Cty CNM Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Vỏ bao, vận chuyển	77.684.255.205
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Vật tư đá vôi, đá mặt thải	29.703.760.780
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Vật tư	789.993.890
Trung tâm điều dưỡng ngành than- VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Phòng nghỉ, dịch vụ	708.598.400
Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Thuê kho, vận chuyển	611.427.000
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Vật tư	510.862.053
CTy VTHC mỏ Hà Nội - CN Tổng Cty CNHC mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vật tư	204.247.945
Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Phòng nghỉ, dịch vụ	111.074.000
Công ty nhiệt điện cao áp TKV - CN Tổng C.ty điện lực TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tập đoàn	Điện năng	30.975.419
Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ	20.828.000

Thu nhập của các thành viên của HĐQT/HĐTV và Ban Giám đốc/Tổng giám đốc:

Nội dung	từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lương thưởng của Ban Giám đốc	742.200.000	376.016.570
Thù lao và thưởng của HĐQT/HĐTV	168.000.000	131.442.698

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU - VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên bảng cân đối kết toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Số liệu dùng để so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Minh Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Thắng

GIÁM ĐỐC



Trần Việt Cường